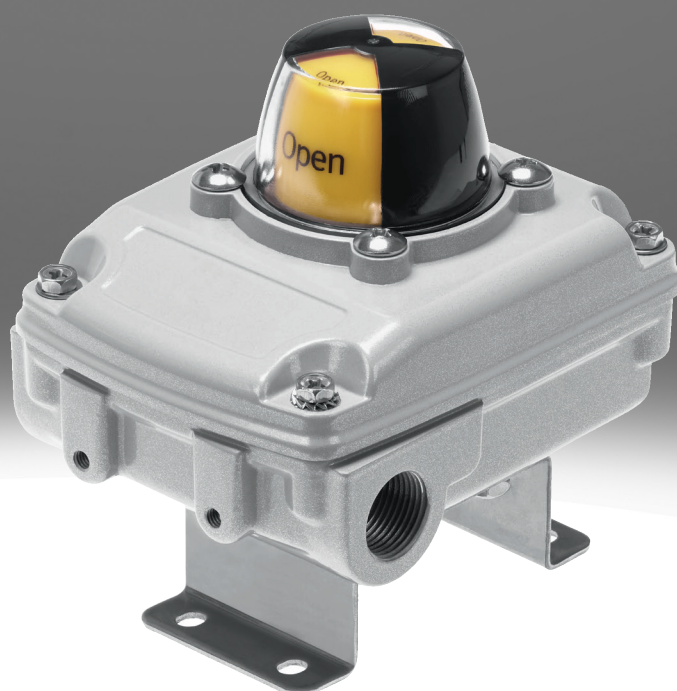


Công tắc hành trình SRBC

FESTO



Đặc trưng

Tổng quan

Phần phụ công tắc giới hạn SRBC được sử dụng để phản hồi điện và điều khiển vị trí của các van quy trình được kích hoạt bằng bộ truyền động xoay khí nén. Chúng có thể được lắp nhanh chóng và dễ dàng trên các bộ truyền động xoay với sơ đồ kết nối theo VDI/VDE 3845 bằng cách sử dụng các cầu lắp. Thiết kế mạnh mẽ của phần phụ công tắc giới hạn SRBC được thiết kế lý tưởng cho các yêu cầu thô trong quá trình tự động hóa.

Giao diện cơ học

Với Gá chuyển đổi mặt bích lắp ráp sẵn (80x30 trong các chiều cao 20 và 30 mm), chi tiết đính kèm công tắc cuối có thể được lắp nhanh chóng và dễ dàng trên các thiết bị truyền động xoay với sơ đồ kết nối theo VDI/VDE 3845. Ngoài ra còn có các biến thể không có Gá chuyển đổi mặt bích để có thể vận hành các giao diện và sản phẩm khác như phụ kiện hoặc bánh răng.

[A3]	Cầu lắp, mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm	[A4]	Gá chuyển đổi mặt bích linh hoạt theo tiêu chuẩn VDI/VDE 3845
------	--	------	---

[A5]	EN ISO 5211 / F05
------	-------------------

Kiểu hiển thị

[YR]	Bộ chỉ thị vị trí vàng/đỏ
------	---------------------------



Chức năng hiển thị vị trí 3D cho phép xác định nhanh chóng vị trí hiện tại của bộ truyền động xoay

Các phiên bản khác của chỉ bộ chỉ thị vị trí (mũi tên 180 °, phiên bản I, phiên bản T, phiên bản L) có thể được đặt hàng riêng dưới dạng phụ kiện, xem chương Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Đặc trưng

Nguyên lý cảm biến



[MW] Tiếp điểm không điện thế, bộ chuyển đổi

SRBC-...-MW-22A-1W-...

Đầu ra chuyển mạch dựa trên tiếp điểm, công tắc chuyển đổi một cực (SPDT)

- Loại công tắc Omron SS-5

SRBC-...-MW-1-1WG-... (cũng có sẵn dưới dạng phiên bản ATEX)

Đầu ra chuyển đổi dựa trên tiếp điểm (vàng), công tắc chuyển đổi một cực (SPDT)

- Loại công tắc Omron D2SW-01L1MS

[N] Công tắc tiệm cận, cảm ứng

SRBC-...-N-20N-ZC-... (cũng có sẵn dưới dạng phiên bản ATEX)

Đầu ra chuyển mạch NAMUR, tiếp điểm NC

- Loại công tắc P&F NCB2-V3-NO

SRBC-...-N-1-P-...

Đầu ra chuyển mạch PNP, tiếp điểm NO

- Loại công tắc P&F NBB2-V3-E2

SRBC-...-N-1-N-...

Đầu ra chuyển mạch NPN, tiếp điểm NO

- Loại công tắc P&F NBB2-V3-E0

SRBC-...-N-1-ZU-...

Đầu ra chuyển mạch 2 dây không tiếp xúc, tiếp điểm NO

- Loại công tắc P&F NBB3-V3-Z4

[R] Chạm nhảy (Reed)

SRBC-...-R-2A-1W-...

Đầu ra chuyển mạch dựa trên tiếp điểm, công tắc chuyển đổi một cực (SPDT)

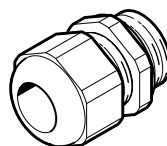
- Công tắc loại Hamlin 59140-030

Bộ kết nối cáp

Bộ kết nối cáp và nút bịt trong các biến thể SRBC-CA3 -... và SRBC-CA4 -... đã được đưa vào phạm vi phân phối.

[] Không có

[P20] M20x1,5, Polymer



Mã mẫu

001	Dòng	
SRBC	Hộp công tắc giới hạn SRBC	

002	Kiểu thiết kế	
C	Hộp công tắc giới hạn	

003	Giao diện cơ học	
A3	Cầu lắp, mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm	
A4	Gá chuyển đổi mặt bích linh hoạt theo tiêu chuẩn VDI/VDE 3845	
A5	EN ISO 5211 / F05	

004	Kiểu hiển thị	
YR	Bộ chỉ thị vị trí vàng/đỏ	

005	Phạm vi đo lường	
90	0 ... 90°	

006	Nguyên lý cảm biến	
MW	Tiếp điểm không điện thế, bộ chuyển đổi	
N	Công tắc tiệm cận, cảm ứng	
R	Chạm nhạy (Reed)	

007	Điện áp hoạt động định mức	
1	24 V DC	
2A	110 V AC/50-60 Hz	
20N	8,2 V DC (Namur)	
22A	230 V AC	

008	Đầu ra điện 1	
1W	Công tắc chuyển đổi 1 cực	
1WG	Công tắc chuyển đổi 1 cực, (Tiếp điểm vàng)	
N	NPN	
P	PNP	
ZC	2 dây thường đóng	
ZU	Cơ cấu đóng 2 dây	

009	Cổng nối điện	
C2	Đầu kẹp vít	
M12	Phích cắm M12, được mã hóa A	

010	Bộ kết nối cáp	
	Không có	
P20	M20x1,5, Polymer	

011	Chứng nhận Ex - EU	
	Không	
EX6	II 1GD	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung - Nguyên lý cảm biến [MW] Tiếp điểm không thể năng, không bộ chuyển đổi			
Giao diện cơ học	Cầu lắp, mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm [A3]	Gá chuyển đổi mặt bích linh hoạt theo tiêu chuẩn VDI/VDE 3845 [A4]	EN ISO 5211 / F05 [A5]
Phạm vi cài đặt phát hiện góc	0 ... 90°		
Bộ chỉ thị vị trí nhà màu	vàng/đỏ xám		
Vị trí kết nối cho bộ điều khiển vị trí và chỉ báo vị trí tương ứng với tiêu chuẩn	VDI/VDE 3845 cỡ AA 1	VDI/VDE 3845 cỡ AA 1 VDI/VDE 3845 cỡ AA 2 VDI/VDE 3845 cỡ AA 3	—
Vị trí lắp đặt	bất kì		
Kiểu gắn	—		mặt bích theo ISO 5211
trọng lượng sản phẩm	800 g		

Dữ liệu đặc trưng điện - Nguyên lý cảm biến [MW] Tiếp điểm không thể năng, bộ chuyển đổi			
Đầu ra điện 1	Công tắc chuyển đổi 1 cực		Công tắc chuyển đổi 1 cực, (Tiếp điểm vàng)
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC	230 V AC	24 V DC
Loại công tắc micro	Omron SS-5		Omron D2SW-01L1T
Đầu ra chuyển mạch	nhảy chạm		nhảy chạm (vàng)
Nguyên tắc đo lường	cơ điện		
Chức năng phần tử chuyển mạch	Công tắc chuyển đổi, cực đơn		
Dải điện áp hoạt động AC	—	0 ... 230 V	—
Dòng điện đầu ra tối đa AC	—	3 A	—
Dải điện áp hoạt động DC	0 ... 30 V		
Dòng điện đầu ra tối đa DC	2 A	3 A	100 mA
Điện áp đầu vào tối đa Ui	—		30 V
Cảm ứng bên trong hiệu dụng Li	—		nhỏ không đáng kể
công suất bên trong hiệu quả Ci	—		nhỏ không đáng kể
Thông số đầu vào tối đa về mạch điện an toàn	—		xem chứng nhận IECEx xem chứng nhận ATEX
Cơ quan cấp chứng chỉ	Chứng nhận Eurocert SIL202587141		Chứng nhận Eurocert SIL202587141 FTZU 17 ATEX 0105X GYJ20.1409X IECEx FTZU 17.0017X

Dữ liệu đặc trưng điện - Nguyên lý cảm biến [R] có tiếp xúc (Reed)	
Đầu ra điện 1	Công tắc chuyển đổi 1 cực
Điện áp hoạt động định mức	110 V AC/50-60 Hz
Loại công tắc micro	Hamlin 59140-030
Đầu ra chuyển mạch	nhảy chạm
Nguyên tắc đo lường	khung go từ tính
Chức năng phần tử chuyển mạch	Công tắc chuyển đổi, cực đơn
Dải điện áp hoạt động AC	0 ... 120 V
Dòng điện đầu ra tối đa AC	0,18 A
Dải điện áp hoạt động DC	0 ... 175 V
Dòng điện đầu ra tối đa DC	0,25 A
Cơ quan cấp chứng chỉ	Chứng nhận Eurocert SIL202587141

Bảng dữ liệu

Dữ liệu đặc trưng điện - Nguyên lý cảm biến [N] Cảm biến tiệm cận, cảm ứng				
Đầu ra điện 1	NPN [N]	PNP [P]	2 dây thường đóng [ZC]	Cơ cấu đóng 2 dây [ZU]
Điện áp hoạt động định mức	24 V DC [1]		8,2 V DC (Namur) [20N]	24 V DC [1]
Đầu ra chuyển mạch	NPN	PNP	NAMUR	không tiếp xúc 2 lõi
Loại công tắc micro	P&F NBB2-V3-E0	P&F NBB2-V3-E2	P&F NCB2-V3-N0	P&F NBB3-V3-Z4
Nguyên tắc đo lường	cảm ứng			
Chức năng phần tử chuyển mạch	Tiếp điểm thường mở		Bộ mở	Tiếp điểm thường mở
Tần số chuyển mạch tối đa	1.000		2.000	
Dải điện áp hoạt động DC	10 ... 30 V		8,2 V	5 ... 60 V
Điện áp đầu vào tối đa Ui	—		16 V	—
Dòng điện đầu ra tối đa DC	100 mA		3 mA	100 mA
Sụt áp	≤3 V		—	≤4 V
Dòng điện chạy không tải	≤15 mA		—	
dòng điện dư	0 ... 0,5 mA			0 ... 1 mA
Dòng điện tải tối thiểu	—			4 mA
Cảm ứng bên trong hiệu dụng Li	—		100 µH	—
công suất bên trong hiệu quả Ci	—		100nF	—
Thông số đầu vào tối đa về mạch điện an toàn ¹⁾	—		xem chứng nhận IECEx xem chứng nhận ATEX	—
Cơ quan cấp chứng chỉ	Chứng nhận Eurocert SIL202587141		Chứng nhận Eurocert SIL202587141 FTZU 17 ATEX 0105X GYJ20.1409X IECEx FTZU 17.0017X	Chứng nhận Eurocert SIL202587141
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện		—	cho tất cả các kết nối điện
Chống chịu ngắn mạch	theo chu kì		—	

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/srbc → Tải xuống

Cơ điện - Nguyên lý cảm biến [MW] Tiếp điểm không thể năng, bộ chuyển đổi		
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Đầu ra điện 1	Công tắc chuyển đổi 1 cực, Công tắc chuyển đổi 1 cực, (Tiếp điểm vàng)	
Bộ kết nối cáp	M20x1,5	—
Đường kính cáp cho phép	5 ... 13 mm	
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cầu đầu dây	Giắc cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng	
Cổng nối điện 1, thiết kế	—	tròn
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	10	8
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	8	
Mặt cắt danh định của dây dẫn có thể kết nối	0,25 ... 2,5 mm ²	
Vật liệu bộ kết nối cáp	PA	—
Vật liệu các nút bịt	PA	—

Bảng dữ liệu

Cơ điện - Nguyên lý cảm biến [R] có tiếp xúc (Reed)

Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Bộ kết nối cáp	M20x1,5
Đường kính cáp cho phép	5 ... 13 mm
Cổng nối điện	Đầu kẹp vít
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cầu đấu dây
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	10
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	8
Mặt cắt danh định của dây dẫn có thể kết nối	0,25 ... 2,5 mm ²
Vật liệu bộ kết nối cáp	PA
Vật liệu các nút bịt	PA

Cơ điện - Nguyên lý cảm biến [N] Cảm biến tiệm cận, cảm ứng

Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Bộ kết nối cáp	M20x1,5	—
Đường kính cáp cho phép	5 ... 13 mm	
Cổng nối điện	Đầu kẹp vít	M12
Mặt cắt danh định của dây dẫn có thể kết nối	0,25 ... 2,5 mm ²	
Vật liệu bộ kết nối cáp	PA	—
Vật liệu các nút bịt	PA	—

Bảng dữ liệu

Các điều kiện vận hành và môi trường - Nguyên lý cảm biến [MW] tiếp điểm không thể năng, bộ chuyển đổi		
Đầu ra chuyển mạch	nhảy chạm	nhảy chạm (vàng)
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 80°C	-40 ... 80°C
Nhiệt độ bảo quản	-20 ... 50°C	
Mức độ bảo vệ	IP66 IP67 NEMA 4/4X	IP66
chống sốc ¹⁾	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27	
Khả năng chống rung ²⁾	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6	
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn	
mức độ ô nhiễm	3	
Safety Integrity Level (SIL)	SIL 3	
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ³⁾	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị điện áp thấp của EU theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV, theo các quy định UK RoHS, theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	theo quy định UK cho EMV, theo quy định UK EX, theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV	–
Giấy phép	c CSA us (OL)	–
Danh mục ATEX Khí	–	II 1G
Loại chống cháy nổ Khí	–	Ex ia IIC T6/T5 Ga
Danh mục ATEX Bụi	–	II 1D
Loại chống cháy nổ Bụi	–	Ex ia IIIC Txx°C Da
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–	xem chứng nhận ATEX xem chứng nhận IECEx
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	–	EPL Da (CN) EPL Da (GB) EPL Da (IEC-EX) EPL Ga (CN) EPL Ga (GB) EPL Ga (IEC-EX)

1) Chỉ dành cho giao diện cơ SRBC-CA3 -...

2) Chỉ dành cho giao diện cơ SRBC-CA3 -...

3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/srbc -> Tải xuống

Bảng dữ liệu

Các điều kiện vận hành và môi trường - Nguyên lý cảm biến [R] có tiếp xúc (Reed)	
Đầu ra chuyển mạch	nhạy chạm
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 80°C
Nhiệt độ bảo quản	-20 ... 50°C
Mức độ bảo vệ	IP66 IP67 NEMA 4/4X
chống sốc ¹⁾	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Khả năng chống rung ²⁾	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
mức độ ô nhiễm	3
Safety Integrity Level (SIL)	SIL 3
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ³⁾	theo chỉ thị điện áp thấp của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS, theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	c CSA us (OL)
Danh mục ATEX Khí	—
Loại chống cháy nổ Khí	—
Danh mục ATEX Bụi	—
Loại chống cháy nổ Bụi	—
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	—
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	—

1) Chỉ dành cho giao diện cơ SRBC-CA3 -...

2) Chỉ dành cho giao diện cơ SRBC-CA3 -...

3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/srbc → Tải xuống

Bảng dữ liệu

Các điều kiện vận hành và môi trường - Nguyên lý cảm biến [N] Cảm biến tiệm cận, cảm ứng				
Đầu ra chuyển mạch	NAMUR	NPN	PNP	không tiếp xúc 2 lõi
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 80°C	-20 ... 70°C	-20 ... 80°C	
Nhiệt độ bảo quản	-20 ... 50°C			
Mức độ bảo vệ	IP66 IP67 NEMA 4/4X			
chống sốc ¹⁾	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27			
Khả năng chống rung ²⁾	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6			
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn			
mức độ ô nhiễm	3			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp) ³⁾	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị RoHS của EU	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU		
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV, theo quy định UK EX, theo các quy định UK RoHS	theo quy định UK cho EMV, theo các quy định UK RoHS		
Dấu hiệu KC	KC-EMV			
Giấy phép	Dấu RCM c CSA us (OL)			
Danh mục ATEX Khí	II 1G	–		
Loại chống cháy nổ Khí	Ex ia IIC T6/T5 Ga	–		
Danh mục ATEX Bụi	II 1D	–		
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex ia IIIC Txx°C Da	–		
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	xem chứng nhận ATEX xem chứng nhận IECEx	–		
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Da (CN) EPL Da (GB) EPL Da (IEC-EX) EPL Ga (CN) EPL Ga (GB) EPL Ga (IEC-EX)	–		
Safety Integrity Level (SIL)	SIL 3			

1) Chỉ dành cho giao diện cơ SRBC-CA3 -...

2) Chỉ dành cho giao diện cơ SRBC-CA3 -...

3) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/srbc → Tải xuống

Vật liệu - Nguyên lý cảm biến [MW] Tiếp điểm không thể năng, bộ chuyển đổi		
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Đầu ra chuyển mạch	nhảy chạm, nhảy chạm (vàng)	
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực	
Vật liệu nắp che	PC	
Vật liệu góc gắn	thép hợp kim cao không gỉ	
Vật liệu trục	thép hợp kim cao không gỉ	
Vật liệu vòng chụp	thép hợp kim cao không gỉ	
Vật liệu đĩa	thép hợp kim cao không gỉ	
Vật liệu vít	thép hợp kim cao không gỉ	
Vật liệu cửa phốt	NBR, VMQ (Silicone)	
Vật liệu con trở	PC	—
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS	
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III	

Bảng dữ liệu

Vật liệu - Nguyên lý cảm biến [R] có tiếp xúc (Reed)

Đầu ra chuyển mạch	nhảy chạm
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu nắp che	PC
Vật liệu góc gắn	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu trục	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu vòng chụp	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu đĩa	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu vít	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu cửa phốt	NBR
Vật liệu con trỏ	PC
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

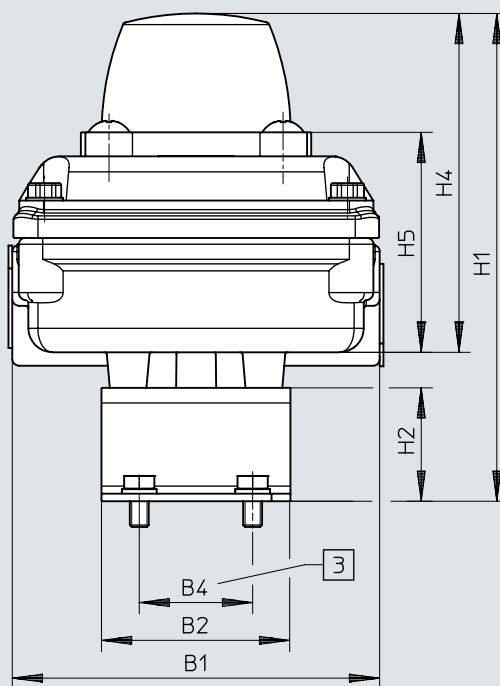
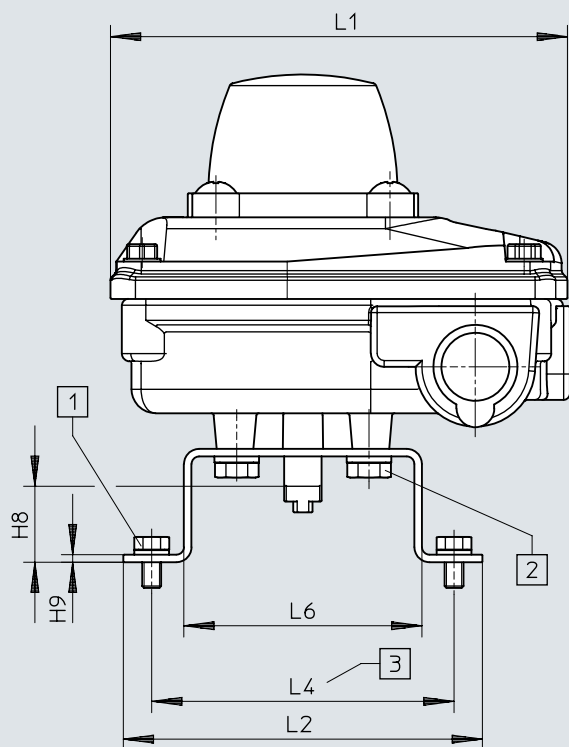
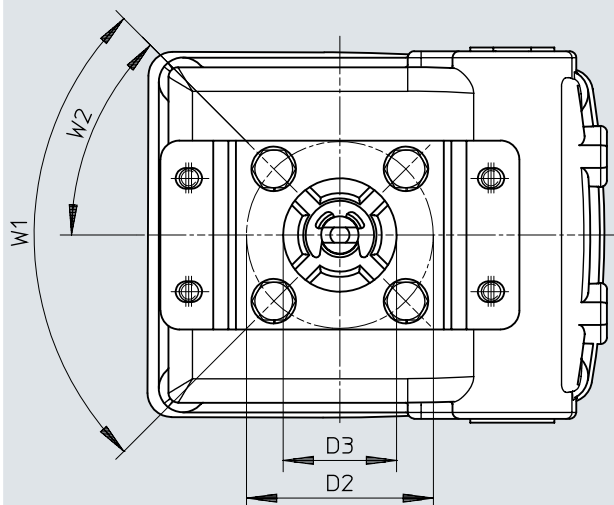
Vật liệu - Nguyên lý cảm biến [N] Cảm biến tiệm cận, cảm ứng

Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu nắp che	PC
Vật liệu góc gắn	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu trục	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu vòng chụp	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu đĩa	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu vít	thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu cửa phốt	NBR
Vật liệu con trỏ	PC
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

Kích thước

Kích thước – SRBC-CA3 -... với gá chuyển đổi mặt bích được lắp trước, mẫu lỗ 30x80 mm

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



- [1] Vít ISO 4017 M5x8
- [2] Vít GB9074.12 M6x10
- [3] theo VDI/VDE 3845



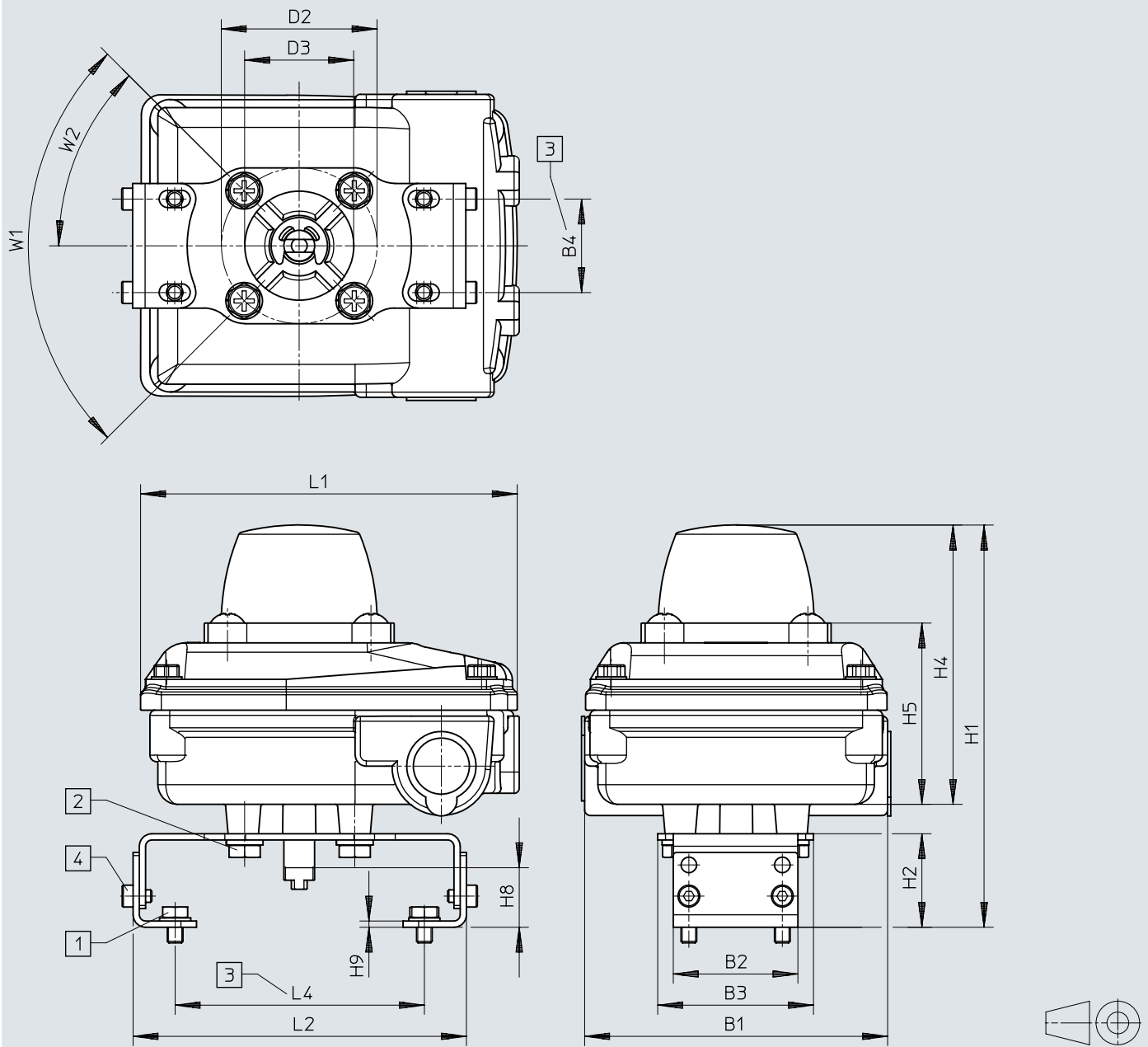
Kích thước

		B1	B2	B4	D2 Ø	D3 Ø	H1	H2 +0,5	H4	
SRBC-CA3-YR90-...	DARQ-K-X1-A1-F05-20-R1	98	50	30	50	30	129	30	90	
	DARQ-K-X1-A1-F05-30-R1						139	40		
		H5	H8	H9	L1	L2	L4	L6	W1	W2
SRBC-CA3-YR90-...	DARQ-K-X1-A1-F05-20-R1	58,2	20	2	120	95	80	63	90°	45°
	DARQ-K-X1-A1-F05-30-R1		30							

Kích thước

Kích thước – SRBC-CA4 -... với Gá chuyển đổi mặt bích lắp trước linh hoạt, 30x80 mm hoặc 30x130 mm

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



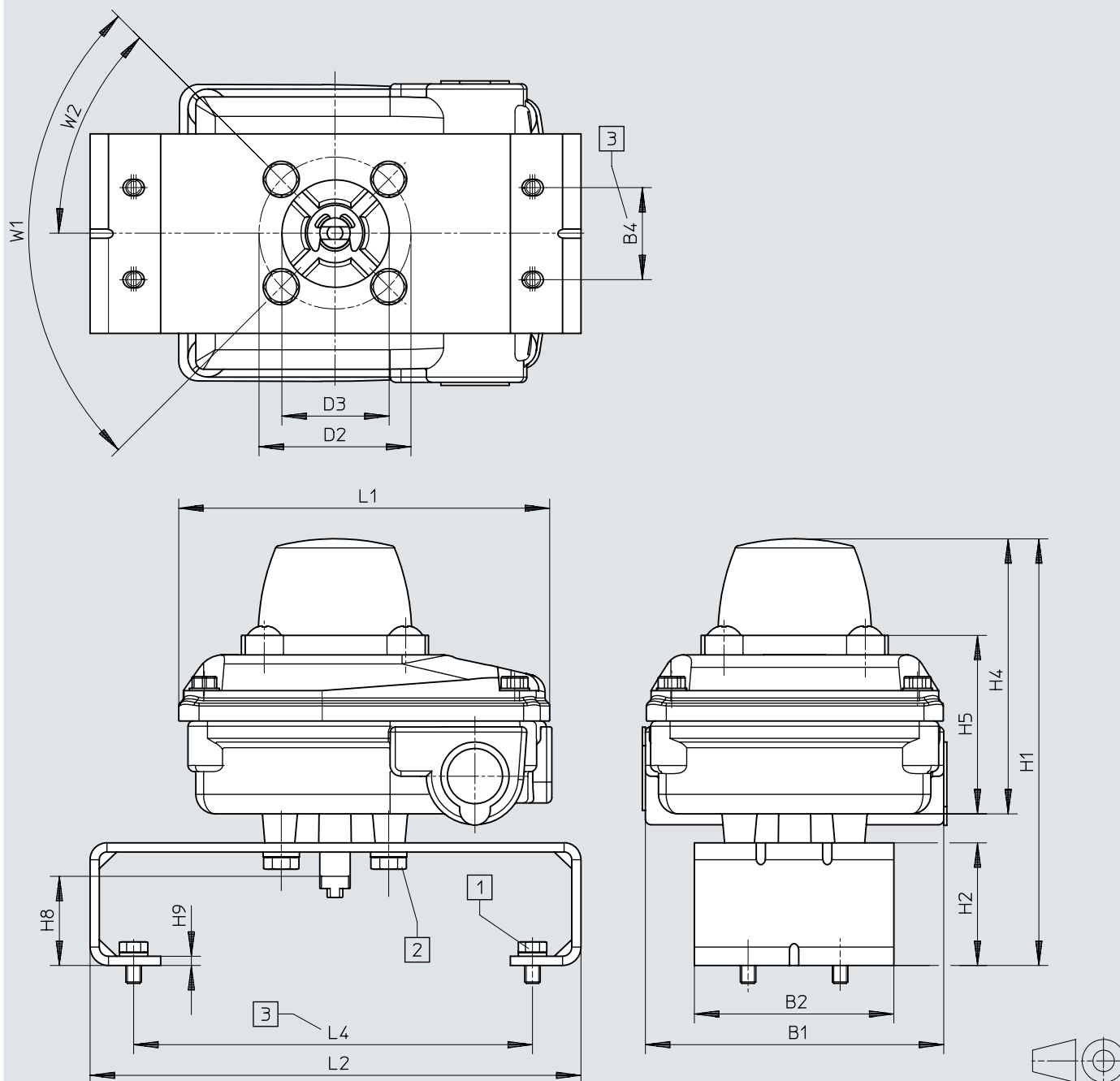
- [1] Vít ISO 4017 M5x8
- [2] Vít GB9074.12 M6x10
- [3] theo VDI/VDE 3845
- [4] Vít ISO 4762 M4x6

		B1	B2	B3	B4	D2 ø	D3 ø	H1	H2 +0,5	H4	H5	H8 +0,5	H9	L1	L2	L4	W1	W2
SRBC-CA4-YR90-...	DARQ-K-X1-A3-F05-20-R1	98	40	50	30	50	35	129	30	90	58,2	19,1	2	120	107	80	90°	45°

Kích thước

Kích thước – SRBC-CA5 -..., Gá chuyển đổi mặt bích theo EN ISO 5211 / F05 có thể được đặt hàng như một phụ kiện

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



- [1] Vít ISO 4017 M5x8
- [2] Vít GB9074.12 M6x10
- [3] theo VDI/VDE 3845

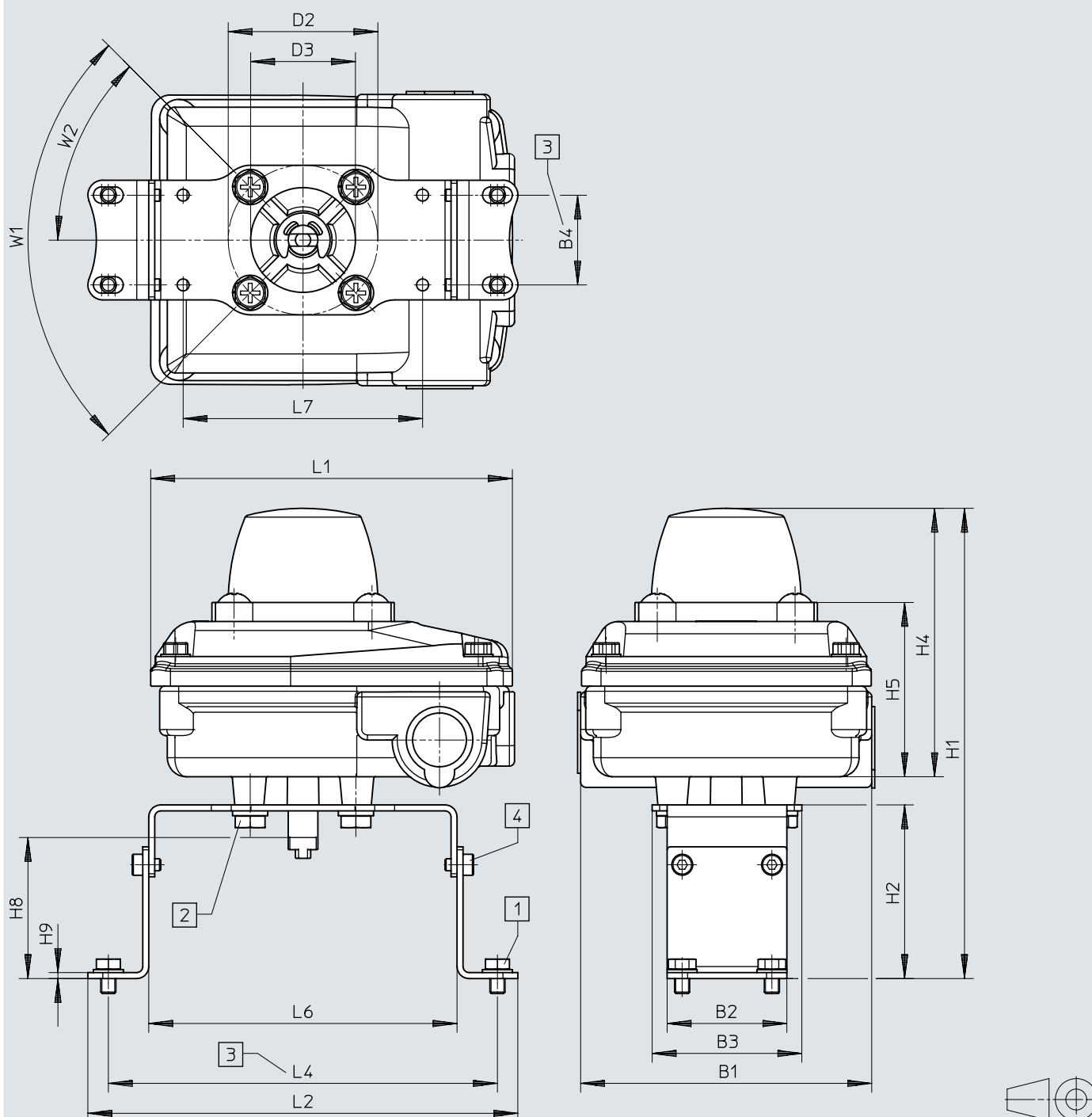
Kích thước

		B1	B2	B4	D2 Ø	D3 Ø	H1	H2 +0,5	H4
SRBC-CA5-YR90-...	DARQ-K-X1-A2-F05-30-R1	98	65	30	50	35	139	40	90
		H5	H8	H9	L1	L2	L4	W1	W2
SRBC-CA5-YR90-...	DARQ-K-X1-A2-F05-30-R1	58,2	30	3	120	160	130	90°	45°

Kích thước

Kích thước – SRBC-CA5 -..., Gá chuyển đổi mặt bích theo EN ISO 5211 / F05 có thể được đặt hàng như một phụ kiện

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



- [1] Vít ISO 4017 M5x8
- [2] Vít GB9074.12 M6x10
- [3] theo VDI/VDE 3845
- [4] Vít ISO 4762 M4x6

Kích thước

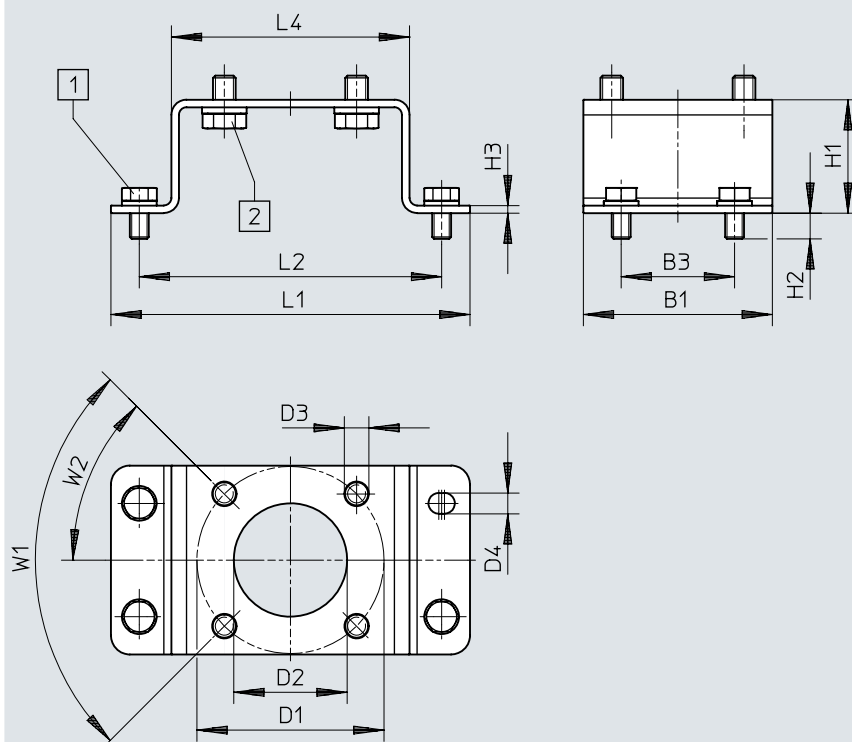
		B1	B2	B3	B4	D2 Ø	D3 Ø	H1	H2 +0,5	H4	H5
SRBC-CA5-YR90-...	DARQ-K-X1-A3-F05-50-R1	98	40	50	30	50	35	157	58	90	58,2

		H8 +0,5	H9	L1	L2	L4	L6	L7	W1	W2
SRBC-CA5-YR90-...	DARQ-K-X1-A3-F05-50-R1	47,1	2	120	143,7	130	103	80	90°	45°

Kích thước

Kích thước – Gã chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A1-F05 -...- R1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



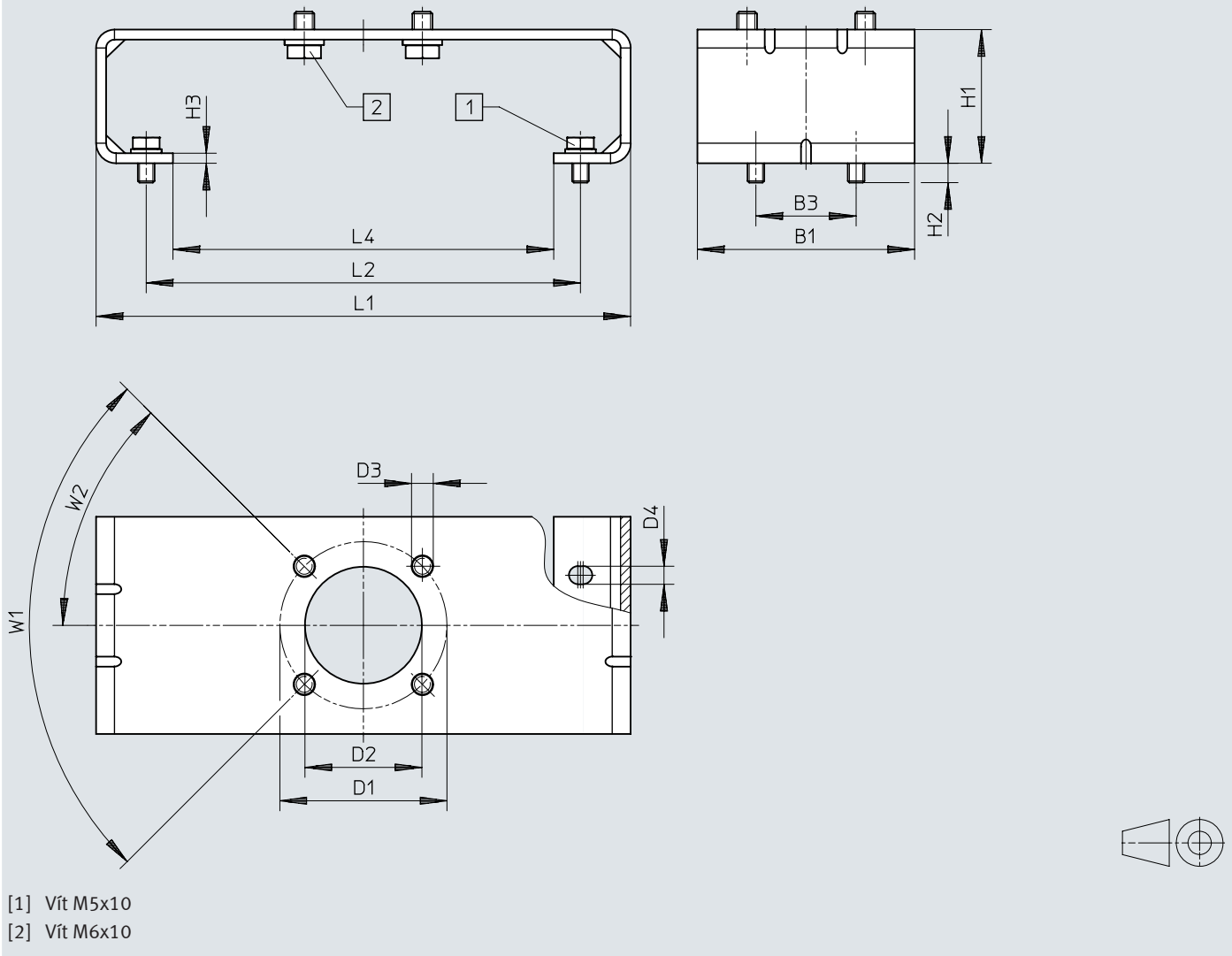
- [1] Vít M5x8 (4x)
[2] Vít M6x10 (4x)

	B1	B3	D1 Ø	D2 Ø	D3 Ø	D4 Ø	H1 +0,5	H2	H3	L1	L2	L4	W1	W2
DARQ-K-X1-A1-F05-20-R1	50	30	50	30	6,5	5,5	30	6,8	2	95	80	63	90°	45°
DARQ-K-X1-A1-F05-30-R1							40							

Kích thước

Kích thước – Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A2-F05-30-R1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

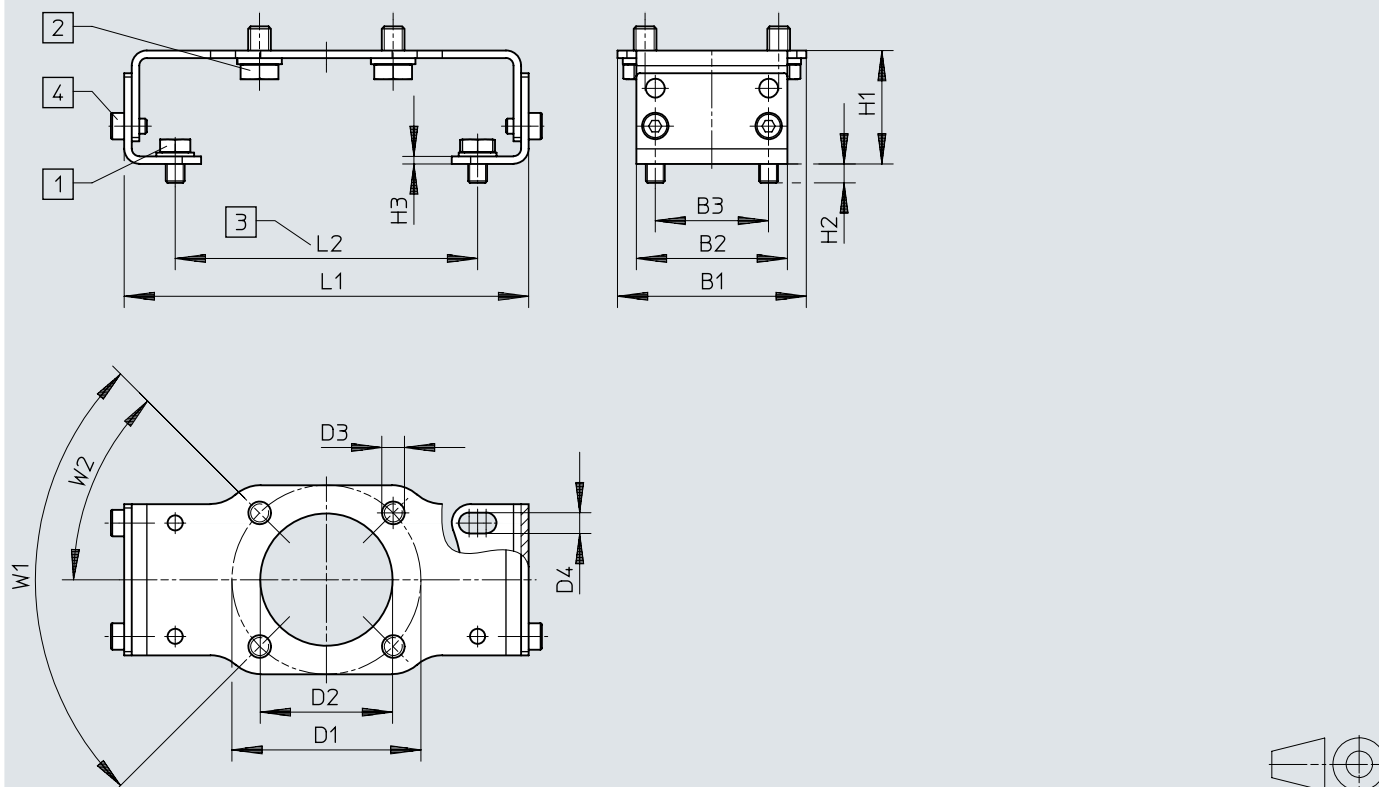


	B1	B3	D1 ø	D2 ø	D3 ø	D4 ø	H1 +0,5	H2	H3	L1	L2	L4	W1	W2
DARQ-K-X1-A2-F05-30-R1	65	30	50	35	6,5	5,4	40	5,8	3	160	130	114	90°	45°

Kích thước

Kích thước – Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A3-F05-20-R1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



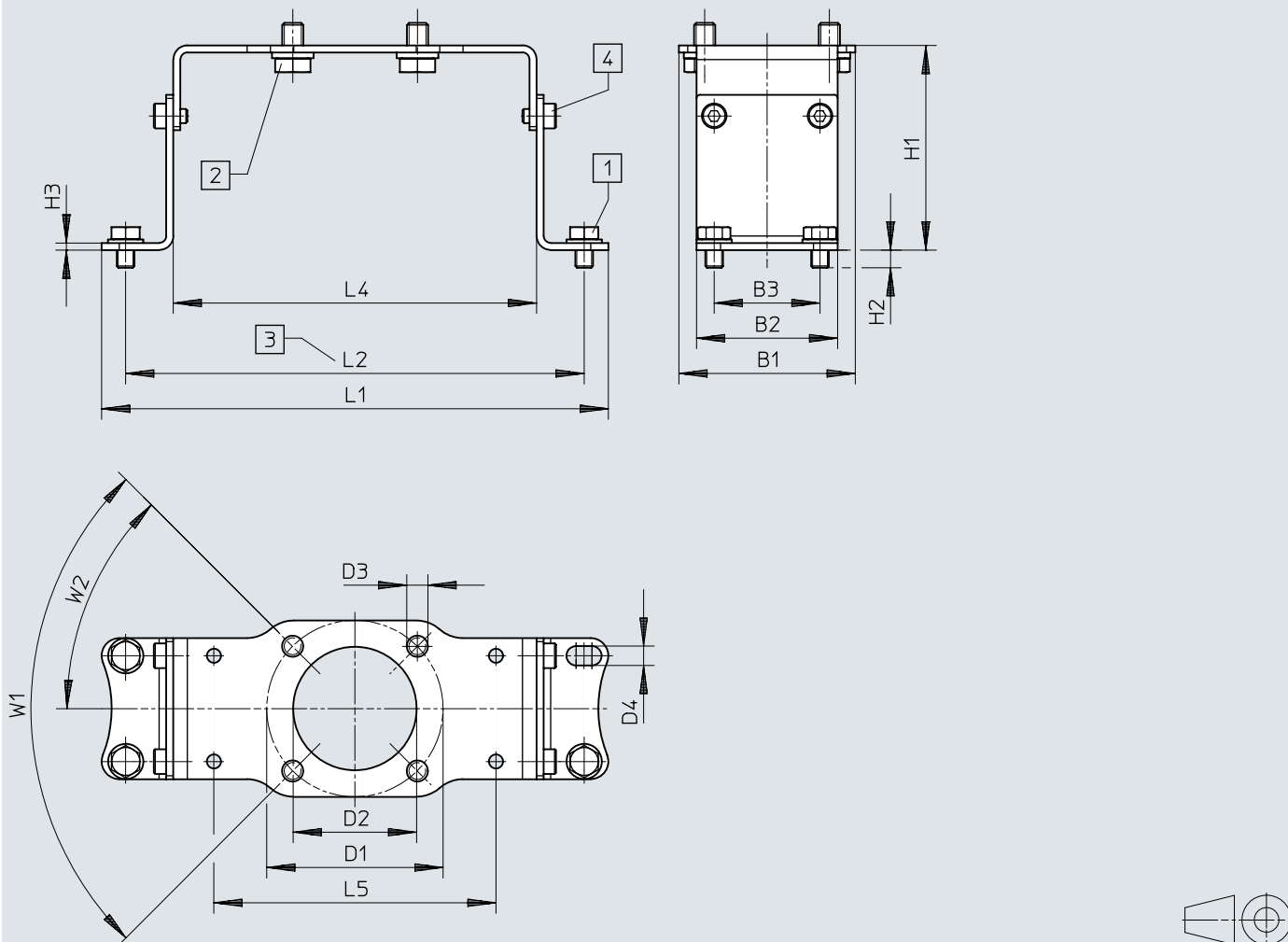
- [1] Vít ISO 4017 M5x8
- [2] Vít GB9074.12 M6x10
- [3] Mẫu lỗ F05 theo tiêu chuẩn VDI/VDE 3845, 130 mm với giá đỡ gắn bên ngoài
- [4] Vít ISO 4762 M4x6

	B1	B2	B3	D1 Ø	D2 Ø	D3 Ø	D4 Ø	H1 +0,5	H2	H3	L1	L2	W1	W2
DARQ-K-X1-A3-F05-20-R1	50	40	30	50	35	6	5,5	30	5	2	107	80	90°	45°

Kích thước

Kích thước – Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A3-F05-50-R1

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



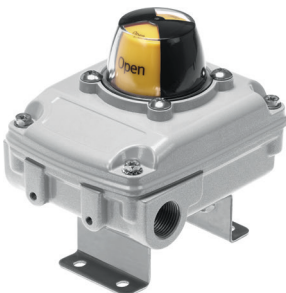
- [1] Vít ISO 4017 M5x8
- [2] Vít GB9074.12 M6x10
- [3] Mẫu lỗ F05 theo VDI/VDE 3845, 80 mm với giá đỡ được gắn bên trong
- [4] Vít ISO 4762 M4x6

	B1	B2	B3	D1 ø	D2 ø	D3 ø	D4 ø	H1 +0,5	H2	H3	L1	L2	L4	L5	W1	W2
DARQ-K-X1-A3-F05-50-R1	50	40	30	50	35	6	5,5	58	5	2	143,7	130	103	80	90°	45°

Thông tin đặt hàng

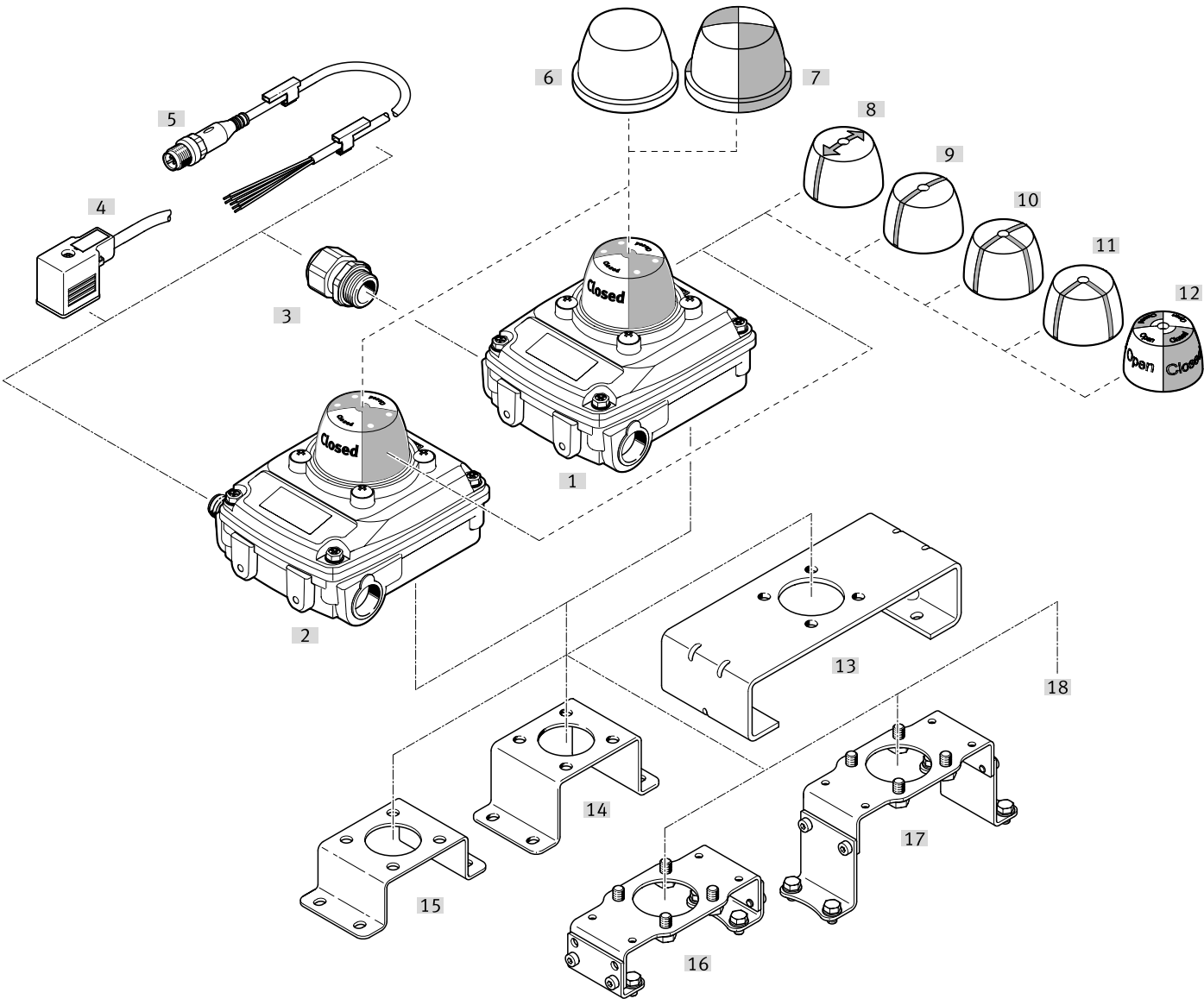
Nguyên lý cảm biến [MW] Tiếp điểm không thể năng, bộ chuyển đổi						
	Giao diện cơ học	Điện áp hoạt động định mức	Bộ kết nối cáp	Chứng nhận Ex - EU	Số bộ phận	Loại
	Cầu lắp, mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm	24 V DC	Không có	Không	8137099	SRBC-CA3-YR90-MW-1-1WG-M12
					8137098	SRBC-CA3-YR90-MW-1-1W-M12
				II 1GD	8137093	SRBC-CA3-YR90-MW-1-1WG-C2-EX6
		230 V AC		Không	3482805	SRBC-CA3-YR90-MW-22A-1W-C2P20
	Gá chuyển đổi mặt bích linh hoạt theo tiêu chuẩn VDI/VDE 3845	24 V DC	Không có		8137102	SRBC-CA4-YR90-MW-1-1W-M12
				II 1GD	8137095	SRBC-CA4-YR90-MW-1-1WG-C2-EX6
		230 V AC		Không	8137094	SRBC-CA4-YR90-MW-22A-1W-C2
	EN ISO 5211 / F05	24 V DC		II 1GD	8137104	SRBC-CA5-YR90-MW-1-1WG-C2-EX6
		230 V AC		Không	8137103	SRBC-CA5-YR90-MW-22A-1W-C2

Nguyên lý cảm biến [R] có tiếp xúc (Reed)						
	Giao diện cơ học	Điện áp hoạt động định mức	Bộ kết nối cáp	Chứng nhận Ex - EU	Số bộ phận	Loại
	Cầu lắp, mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm	110 V AC/50-60 Hz	M20x1,5, Polymer	Không	3482811	SRBC-CA3-YR90-R-2A-1W-C2P20

Cảm ứng						
	Giao diện cơ học	Điện áp hoạt động định mức	Bộ kết nối cáp	Chứng nhận Ex - EU	Số bộ phận	Loại
	Cầu lắp, mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm	24 V DC	Không có	Không	8137101	SRBC-CA3-YR90-N-1-P-M12
			M20x1,5, Polymer		3482808	SRBC-CA3-YR90-N-1-P-C2P20
					3482809	SRBC-CA3-YR90-N-1-N-C2P20
					3482810	SRBC-CA3-YR90-N-1-ZU-C2P20
		8,2 V DC (Naur)	Không có		8137100	SRBC-CA3-YR90-N-20N-ZC-M12
			M20x1,5, Polymer		3482807	SRBC-CA3-YR90-N-20N-ZC-C2P20-EX6
	Gá chuyển đổi mặt bích linh hoạt theo tiêu chuẩn VDI/VDE 3845	24 V DC	Không có	Không	8137097	SRBC-CA4-YR90-N-1-P-C2
		8,2 V DC (Naur)		II 1GD	8137096	SRBC-CA4-YR90-N-20N-ZC-C2-EX6
	EN ISO 5211 / F05	24 V DC		Không	8137106	SRBC-CA5-YR90-N-1-P-C2
		8,2 V DC (Naur)		II 1GD	8137105	SRBC-CA5-YR90-N-20N-ZC-C2-EX6

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

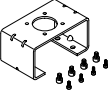


Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1] Hộp công tắc giới hạn SRBC	- Nguyên lý do của Reed cơ điện và từ - Cảm ứng	srbc
[2] Hộp công tắc giới hạn SRBC-...-M12	Đầu nối điện Phích cắm M12, mã hóa A	srbc
[3] Bộ kết nối cáp NETC-P-M20	- Đối với các biến thể hộp công tắc giới hạn SRBC -...- M12 -... - Bộ kết nối cáp M20x1,5 từ Polyme được bao gồm trong phạm vi giao hàng của hộp công tắc giới hạn - Bộ kết nối cáp khác có thể được đặt hàng riêng làm phụ kiện	
[4] Các cáp kết nối NEBV	- Đối với cổng nối van cho các hộp công tắc giới hạn với đầu nối thiết bị đầu cuối - Ổ cắm góc, sơ đồ kết nối A, EN 175301-803 hoặc sơ đồ kết nối B, theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm - Có thể đặt hàng riêng như một phụ kiện	27
[5] Các cáp kết nối NEBU	- Đối với cổng nối van cho các hộp công tắc giới hạn với đầu nối thiết bị đầu cuối - Ổ cắm góc, sơ đồ kết nối dạng B, theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm - Có thể đặt hàng riêng như một phụ kiện	27
[6] Nắp bảo vệ SACC-S4-TT	Gắn trên SRBC và bảo vệ bộ chỉ thị vị trí SASF	27
[7] Nắp bảo vệ SACC-S4-T	Gắn trên SRBC và bảo vệ bộ chỉ thị vị trí SASF	27
[8] Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A1	Mũi tên, 180°	26
[9] Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A2	Phiên bản I	26
[10] Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A3	Phiên bản T	26
[11] Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A4	Phiên bản L	27

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[12] Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE	Vàng/đỏ	26
[13] Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A2-F05-30-R1	- Gá chuyển đổi mặt bích để gắn phụ kiện công tắc cuối vào bộ truyền động xoay với mẫu lỗ 30x130 mm, chiều cao trục 30 mm - Có thể đặt hàng riêng như một phụ kiện	26
[14] Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A1-F05-30-R1	- Gá chuyển đổi mặt bích để gắn phụ kiện công tắc cuối vào bộ truyền động xoay với mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 30 mm - Có thể đặt hàng riêng như một phụ kiện	26
[15] Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A1-F05-20-R1	- Với hộp công tắc giới hạn biến thể SRBC-CA3 -... được bao gồm trong phạm vi phân phối và được lắp sẵn - Gá chuyển đổi mặt bích để gắn phụ kiện công tắc cuối vào bộ truyền động xoay với mẫu lỗ 30x80 mm, chiều cao trục 20 mm	26
[16] Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A3-F05-20-R1	- Với hộp công tắc giới hạn biến thể SRBC-CA4 -... được bao gồm trong phạm vi phân phối và được lắp sẵn - Gá chuyển đổi mặt bích để lắp hộp công tắc hành trình vào bộ truyền động xoay có mẫu lỗ 30x80 hoặc 30x130 mm, chiều cao trục 20 mm	26
[17] Gá chuyển đổi mặt bích DARQ-K-X1-A3-F05-50-R1	- Gá chuyển đổi mặt bích để lắp hộp công tắc hành trình vào bộ truyền động xoay có mẫu lỗ 30x80 hoặc 30x130 mm, chiều cao trục 50 mm - Có thể đặt hàng riêng như một phụ kiện	26
[18] Giao diện cơ học theo ISO 5211/mẫu lỗ mặt bích F05	- Đối với các biến thể hộp công tắc giới hạn SRBC-CA5 -... - Đầu nối điện của thiết bị đầu cuối vít - Không có bộ kết nối cáp và nút bịt - Không có gá chuyển đổi mặt bích được lắp trước	srbc

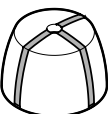
Phụ kiện

Gá chuyển đổi mặt bích DARQ						
	Vị trí kết nối cho bộ điều khiển vị trí và chỉ báo vị trí tương ứng với tiêu chuẩn	Kích thước	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại	
	VDI/VDE 3845 cỡ AA 1	20	113 g	3636269	DARQ-K-X1-A1-F05-20-R1	
	VDI/VDE 3845 cỡ AA 1, VDI/VDE 3845 cỡ AA 2, VDI/VDE 3845 cỡ AA 3		148 g	8137187	DARQ-K-X1-A3-F05-20-R1	
	VDI/VDE 3845 cỡ AA 2	30	129 g	3636270	DARQ-K-X1-A1-F05-30-R1	
	VDI/VDE 3845 cỡ AA 3		397 g	3886114	DARQ-K-X1-A2-F05-30-R1	
	VDI/VDE 3845 cỡ AA 4	50	174 g	8137188	DARQ-K-X1-A3-F05-50-R1	

Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE						
	Bộ chỉ thị vị trí	Nhiệt độ môi trường xung quanh	Vật liệu nắp	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
	vàng/đỏ	-40 ... 80 °C	PA	Tuân thủ RoHS	8137192	SASF-S4-DE

Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A1						
	Bộ chỉ thị vị trí	Nhiệt độ môi trường xung quanh	Vật liệu nắp	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
	Mũi tên, 180°	-40 ... 80 °C	PA	Tuân thủ RoHS	8137191	SASF-S4-DE-A1

Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A2						
	Bộ chỉ thị vị trí	Nhiệt độ môi trường xung quanh	Vật liệu nắp	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
	Phiên bản I	-40 ... 80 °C	PA	Tuân thủ RoHS	8137190	SASF-S4-DE-A2

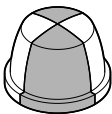
Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A3						
	Bộ chỉ thị vị trí	Nhiệt độ môi trường xung quanh	Vật liệu nắp	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
	Phiên bản T	-40 ... 80 °C	PA	Tuân thủ RoHS	8137195	SASF-S4-DE-A3

Phụ kiện

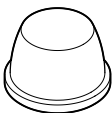
Bộ chỉ thị vị trí SASF-S4-DE-A4

	Bộ chỉ thị vị trí	Nhiệt độ môi trường xung quanh	Vật liệu nắp	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
	Phiên bản L	-40 ... 80 °C	PA	Tuân thủ RoHS	8137189	SASF-S4-DE-A4

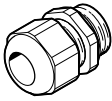
Nắp bảo vệ SACC-S4-T

	Màu sắc	Vật liệu nắp che	Ghi chú vật liệu	Tuân thủ LABS	Số bộ phận	Loại
	trong suốt màu đen	PC	Tuân thủ RoHS	VDMA24364 Vùng III	8137193	SACC-S4-T

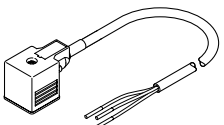
Nắp bảo vệ SACC-S4-TT

	Màu sắc	Vật liệu nắp che	Ghi chú vật liệu	Tuân thủ LABS	Số bộ phận	Loại
	trong suốt	PC	Tuân thủ RoHS	VDMA24364 Vùng III	8137194	SACC-S4-T-T

Bộ kết nối cáp NETC

	Công nghệ kết nối 1	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
	M20x1,5	Tuân thủ RoHS	8151587 568279	NETC-M20-PBU-T26-EX4-E NETC-M-M20-KA

Các cáp kết nối NEBV

	Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Chức năng bổ sung	Số bộ phận	Loại
	Kiểu kết nối A dựa trên EN 175301-803	Mạch bảo vệ	3579466 3679776	NEBV-A1W3-K-0.6-N-LE3 NEBV-A1W3F-P-K-0.6-N-LE3
	Mẫu kết nối dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm	Mạch bảo vệ	3579468 3679778	NEBV-B2W3-K-0.6-N-LE3 NEBV-B2W3F-P-K-0.6-N-LE3

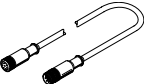
Ổ cắm có cáp 8 cực, M12 - đầu cáp mở, 8 dây

	Đặc điểm dây dẫn	Chiều dài cáp	Cổng nối điện 1, đầu ra cáp ¹⁾	Số bộ phận	Loại
	Tiêu chuẩn	2 m	thẳng được đặt góc	525616 542256	SIM-M12-8GD-2-PU NEBU-M12W8-K-2-N-LE8
		5 m	thẳng được đặt góc	525618 542257	SIM-M12-8GD-5-PU NEBU-M12W8-K-5-N-LE8
		10 m	thẳng được đặt góc	570008 570007	SIM-M12-8GD-10-PU NEBU-M12W8-K-10-N-LE8
		15 m	thẳng được đặt góc	5105631 8048086	SIM-M12-8GD-15-PU NEBU-M12W8-K-15-N-LE8

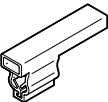
Phụ kiện

Ổ cắm có cáp 8 cực, M12 - đầu cáp mở, 8 dây					
	Đặc điểm dây dẫn	Chiều dài cáp	Cổng nối điện 1, đầu ra cáp ¹⁾	Số bộ phận	Loại
	Tiêu chuẩn	20 m	thẳng	5105632	SIM-M12-8GD-20-PU
		25 m		5105633	SIM-M12-8GD-25-PU

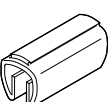
1) Lưu ý khoảng điện áp hoạt động và nhiệt độ môi trường xung quanh!

Ổ cắm có cáp 8 cực, M12 - phích cắm, 8 cực, M12				
	Chiều dài cáp	Cổng nối điện 1, đầu ra cáp ¹⁾	Số bộ phận	Loại
	2 m	thẳng	525617	KM12-8GD8GS-2-PU

1) Lưu ý khoảng điện áp hoạt động và nhiệt độ môi trường xung quanh!

Tấm giữ để dán nhãn						
	Miêu tả	Chiều dài	Rộng	Chiều cao	Số bộ phận	Loại
	cho đường kính cáp 1,7 ... 3 mm	23 mm	5,4 mm	10,1 mm	8078305	NEAU-LH-1
	cho đường kính cáp 2,5 ... 3,5 mm			10,3 mm	8078306	NEAU-LH-2
	cho đường kính cáp 3,3 ... 4,8 mm			11,6 mm	8078307	NEAU-LH-3
	cho đường kính cáp 4,2 ... 5,6 mm			12,1 mm	8143238	NEAU-LH-4

Nhãn ASLR			
	Miêu tả	Số bộ phận	Loại
	Nhãn cho Tấm giữ để dán nhãn NEAU	541598	ASLR-L-423

Nhãn KM			
	Miêu tả	Số bộ phận	Loại
	Để gắn vào cáp có đường kính 5... 8 mm	33361	KM-BZ